

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2021/HSST
Ngày 25/8/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiên Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quốc.

Bà Trương Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2021/HSST ngày 18/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-HS ngày 15/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2021/HSST-QĐ ngày 29/7/2021 đối với bị cáo:

Hà Mạnh Đ; Tên gọi khác: **Hà Văn T;** Sinh năm: 1983 tại xã Pắc Ngà, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú : Bản Á, xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp : Trồng trọt; Trình độ học vấn : 5/12; Dân tộc : Thái; Giới tính : Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch : Việt Nam; Con ông : Hà Văn P, sinh năm: 1944 và bà : Hoàng Thị M, sinh năm: 1951; Có vợ : Lò Thị T, sinh năm : 1997 và 03 con lớn nhất 19 tuổi (con riêng của bị cáo), nhỏ nhất 5 tuổi; Tiền án : Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/12/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản(đã được xóa án tích); Ngày 15/5/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 18 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giữ , tạm giam từ ngày 24/12/2020 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại :

1. Ông Lò Văn K; Sinh năm : 1972; Nơi cư trú : Bản Ả, xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2. Chị Lò Thị X; Sinh năm : 1992; Nơi cư trú : Bản Ả, xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

3. Anh Lương Văn L; Sinh năm 1994; Nơi cư trú : Bản Ả, xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

4. Ông Hoàng Văn L; Sinh năm 1978; Nơi cư trú : Bản Ả, xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

5. Anh Lương Văn Đ; Sinh năm : 1990; Nơi cư trú : Bản Ả, xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

6. Ông Lò Văn S; Sinh năm : 1979; Nơi cư trú : Bản Ả, xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

7. Anh Vì Văn M; Sinh năm : 1997; Nơi cư trú : Bản L, xã C, huyện Mường La, vắng mặt.

8. Anh Lò Văn T; Sinh năm : 1994; Nơi cư trú : Bản L, xã C, huyện Mường La, vắng mặt.

9. Anh Lương Văn C; Sinh năm : 1989; Nơi cư trú : Bản L, xã C, huyện Mường La, vắng mặt.

10. Anh Cà Văn K; Sinh năm : 1995; Nơi cư trú : Bản L, xã C, huyện Mường La, vắng mặt.

11. Ông Quàng Văn D; Sinh năm : 1965; Nơi cư trú : Bản H, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

12. Ông Tòng Văn H; Sinh năm : 1979; Nơi cư trú : Bản H, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

13. Anh Tòng Văn T; Sinh năm : 1992; Nơi cư trú : Bản H, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

14. Bà Lương Thị B; Sinh năm : 1981; Nơi cư trú : Bản T, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

15. Bà Cà Thị Y; Sinh năm : 1975; Nơi cư trú : Bản T, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

16. Chị Tòng Thị N; Sinh năm : 1994; Nơi cư trú : Bản A, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

17. Anh Lò Văn H; Sinh năm : 1993; Nơi cư trú : Bản A, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

18. Chị Mè Thị X; Sinh năm : 1992; Nơi cư trú : Bản A, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

19. Anh Hoàng Văn T; Sinh năm : 1991; Nơi cư trú : Bản A, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

20. Bà Quàng Thị L; Sinh năm : 1975; Nơi cư trú : Bản L, xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

21. Ông Lò Văn D; Sinh năm : 1964; Nơi cư trú : Bản L, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

22. Anh Lương Văn N; Sinh năm : 1994; Nơi cư trú : Bản L, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

23. Chị Lò Thị Oh; Sinh năm : 1992; Nơi cư trú : Bản N, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

24. Bà Lò Thị T; Sinh năm : 1977; Nơi cư trú : Bản N, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

25. Bà Lò Thị X; Sinh năm : 1983; Nơi cư trú : Bản N, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

26. Chị Lò Thị P; Sinh năm : 1996; Nơi cư trú : Bản N, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

27. Chị Quàng Thị M; Sinh năm 1987; Nơi cư trú : Bản N, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

28. Chị Tòng Thị N; Sinh năm : 1995; Nơi cư trú : Bản N, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

29. Chị Cà Thị C; Sinh năm : 1986; Nơi cư trú : Bản N, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

30. Chị Lò Thị T; Sinh năm : 1991; Nơi cư trú : Bản N, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

31. Ông Lò Văn C; Sinh năm : 1969; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

32. Anh Lò Văn P; Sinh năm : 1995; Nơi cư trú : Bản M, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

33. Anh Quàng Văn S; Sinh năm : 1999; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

34. Anh Quàng Văn P; Sinh năm : 2001; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

35. Bà Quàng Thị H; Sinh năm : 1974; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

36. Bà Quàng Thị T; Sinh năm 1974; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

37. Bà Cà Thị P; Sinh năm : 1977; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

38. Ông Cà Văn L; Sinh năm : 1972; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

39. Chị Cà Thị H; Sinh năm : 1987; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

40. Chị Lò Thị S; Sinh năm : 1993; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

41. Chị Quàng Thị H; Sinh năm : 1993; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

42. Chị Lèo Thị P; Sinh năm : 1993; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

43. Chị Cà Thị Đ; Sinh năm : 1988; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

44. Chị Lò Thị C; Sinh năm 1999; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

45. Bà Lường Thị T; Sinh năm : 1976; Nơi cư trú : Bản H, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

46. Chị Quàng Thị X; Sinh năm : 1973; Nơi cư trú : Bản B, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

47. Anh Quàng Văn N; Sinh năm : 1999; Nơi cư trú : Bản G, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Quàng Văn L; Sinh năm : 1979; Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2. Anh Vì Văn Đ; Sinh năm : 1987; Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

3. Ông Lò Văn K; Sinh năm : 1974; Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

4. Chị Lò Thị T; Sinh năm : 1997; Nơi cư trú: Bản A, xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7 năm 2020, Hà Mạnh Đ lên mạng xã hội tìm thấy một trang Facebook (*Đ không nhớ tên*) có đăng tải trạng thái nhận làm giấy phép lái xe mô tô giả có hồ sơ gốc, người làm chỉ cần nộp tiền, cung cấp chứng minh thư nhân dân, ảnh chân dung cỡ 3x4 mà không phải thi sát hạch. Đ đã nhắn tin bình luận và để lại số điện thoại của Đ là: 0971.600.836 để vào trang Facebook trên để làm giấy phép lái xe mô tô. Khoảng 02 ngày sau, có một người gọi điện thoại cho Đ tự giới thiệu tên là D, nhận làm giấy phép lái xe mô tô cho Đ. Hai bên thống nhất mức giá là 1.700.000 đồng, sau đó Đ dùng điện thoại di động chụp ảnh chứng minh thư nhân dân, ảnh chân dung của mình gửi cho D qua tài khoản mạng xã hội Zalo tên “*Đoàn D*”. Khoảng 03 ngày sau, Đ nhận được giấy phép lái xe mô tô mang tên Hà Mạnh Đ cùng hồ sơ gốc do D gửi qua đường chuyển phát nhanh, Đ thanh toán cho D số tiền 1.700.000 đồng cùng phí vận chuyển là 30.000 đồng, từ đó Đ sử dụng giấy phép lái xe mô tô giả mua được của D.

Sau đó, từ khoảng tháng 10 đến tháng 12 năm 2020, Hà Mạnh Đ tự giới thiệu hoặc qua người khác là ông Quàng Văn L, anh Vi Văn Đ, ông Lò Văn K giới thiệu đối với 49 người dân chưa có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 trên địa bàn huyện Bắc Yên (xã P, xã H), huyện Mường La (xã C, xã M, xã Mư), huyện Thuận Châu (xã M, xã B) là Đ có thể làm được giấy phép lái xe mô tô thật với mức giá từ 2.000.000 đồng đến 2.400.000 đồng/giấy phép lái xe mô tô, có hồ sơ gốc kèm theo, khi quét mã vạch trên giấy phép lái xe mô tô sẽ hiển thị thông tin cá nhân, người dân không cần thi sát hạch mà chỉ cần cung cấp giấy chứng minh nhân dân, ảnh chân dung cỡ 3x4, mỗi người đặt cọc 500.000 đồng. Sau đó, Đ đặt mua giấy phép lái xe mô tô giả qua mạng xã hội Facebook, Zalo với giá từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/1 giấy phép lái xe mô tô rồi bán lại cho họ để lấy tiền để tiêu xài cá nhân với tổng số tiền 50.500.000 đồng. Cụ thể như sau:

*** Diễn biến vụ án xảy ra tại xã P và xã H, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La:**

Do đã mua được giấy phép lái xe mô tô giả cho mình, đến tháng 10 năm 2020, Đ gọi điện thoại cho D để hỏi D có làm giấy phép lái xe mô tô nữa không thì D trả lời vẫn nhận làm. Hai người thỏa thuận giá tiền 1.500.000 đồng/ giấy phép lái xe mô tô. Sau đó, Hà Mạnh Đ liên hệ với 08 người dân cần làm giấy phép lái xe mô tô trong đó 06 người dân ở cùng bản với Đ gồm : Ông Lò Văn K, chị Lò Thị X, anh Lường Văn L, anh Hoàng Văn LL, anh Lường Văn Đ, ông Lò Văn S và hai người dân trú tại xã H, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La (Đ không nhớ rõ tên, tuổi, địa chỉ).

Khi gặp 08 người dân này Đ đã dùng thủ đoạn gian dối là Đ có thể làm được giấy phép lái xe mô tô thật, thỏa thuận giá là 2.000.000 đồng/giấy phép lái xe mô tô, đặt cọc đưa cho Đ số tiền 500.000 đồng, sau khi nhận được giấy phép lái xe mô

tô sẽ thanh toán số tiền còn lại là 1.500.000 đồng. 08 người dân đồng ý và đưa chứng minh thư nhân dân, ảnh và tiền đặt cọc cho Đ. Sau đó Đ dùng điện thoại di động chụp lại ảnh chứng minh thư nhân dân, ảnh chân dung của 08 người dân rồi gửi qua Zalo cho D. Khoảng 3-4 ngày sau, Đ nhận được 08 giấy phép lái xe mô tô cùng hồ sơ gốc kèm theo qua dịch vụ chuyển phát nhanh do D gửi, Đ thanh toán cho D tiền làm giấy phép lái xe mô tô của 8 người/1.500.000 đồng/01 người là 12.000.000 đồng cùng phí vận chuyển cho đơn vị vận chuyển. Sau đó, Đ đưa giấy phép lái xe mô tô, hồ sơ giả cùng 8 chứng minh thư nhân dân cho người dân, thu thêm mỗi người số tiền là 1.500.000 đồng.

Tổng số tiền số tiền Đ thu là 16.000.000 đồng, nhưng đối với 02 người dân ở xã H, huyện Bắc Yên, Đ không nhớ họ tên, năm sinh và địa chỉ cụ thể, không lưu giữ lại tài liệu liên quan đến danh tính của họ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã gửi thông báo thủ đoạn phạm tội của Hà Mạnh Đ đến Công an xã H, huyện Bắc Yên; Thông báo truy tìm bị hại để truy tìm bị hại nhưng không có công dân nào đến trình báo. Do đó, Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để làm rõ hành vi vi phạm của Đ đối với hai người dân trên. Nên chỉ xác định được Hà Mạnh Đ đã thu của 06 người dân ở xã P, huyện Bắc Yên là 12.000.000 đồng.

***Diễn biến vụ án xảy ra tại xã C, huyện Mường La, tỉnh Sơn La :**

Ngày 10/12/2020 Hà Mạnh Đ điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 26B2-329.12, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu sơn đen trắng, đến nhà người quen là ông Quảng Văn L ở bản H, xã C, huyện Mường La để rủ ông L tìm người cần làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1. Khi gặp ông L thì Đ tiếp tục sử dụng thủ đoạn gian dối đã nêu trên khiến ông L tin Đ làm được giấy phép lái xe mô tô thật nên đồng ý và đưa Đ đến nhà rủ anh Vì Văn Đ ở Bản L, xã C, huyện Mường La cùng tìm người làm giấy phép lái xe mô tô. Tại đây, ông L giới thiệu về việc Đ nhận làm giấy phép lái xe mô tô với cùng nội dung trên, sau đó Đ dùng điện thoại di động mở Zalo quét mã vạch trên giấy phép lái xe mô tô của Đ đem theo cho anh Đ xem thì điện thoại hiện thị thông tin cá nhân của Đ và anh Đ tin Đ làm được giấy phép lái xe mô tô thật nên đồng ý, đi tìm người làm giấy phép lái xe mô tô cho Đ. Ba người thỏa thuận số tiền thu của mỗi người dân làm giấy phép lái xe mô tô là tùy ông L và anh Đ, trong đó phải đưa cho Đ 2.000.000 đồng/ giấy phép lái xe mô tô, phần còn lại do L và Đ tự chia nhau.

Từ ngày 10/12/2020 đến ngày 23/12/2020, ông L và anh Đ liên hệ được với 16 người dân cần làm giấy phép lái xe mô tô tại xã Chiềng Hoa, huyện Mường La gồm: anh Vì Văn M, anh Lò Văn T, anh Lường Văn C, anh Cà Văn K, ông Lò Văn D, anh Lường Văn N (Bản L, xã C, huyện Mường La); ông Quảng Văn D, ông Tòng Văn H, anh Tòng Văn T (Bản H, xã C, huyện Mường La); bà Lường Thị B, bà Cà Thị Y (Bản T, xã C, huyện Mường La); chị Tòng Thị N, anh Lò Văn H, chị

Mè Thị X, anh Hoàng Văn T (Bản Á, xã C, huyện Mường La); bà Quàng Thị L là chị gái ông Quàng Văn L (Bản L, xã P, huyện Bắc Yên).

Ông L, anh Đ thỏa thuận thu của người dân số tiền là 2.300.000 đồng/1 giấy phép lái xe mô tô, trong đó phải đưa cho Đ 2.000.000 đồng/1 giấy phép lái xe mô tô, còn lại 300.000 đồng chia đều cho ông L và anh Đ. Riêng 02 Tr hợp (*Vì Văn M - em trai anh Đ và Cà Văn K - anh họ anh Đ*) là họ hàng nên Đ xin giảm cho mỗi người 100.000 đồng trừ vào phần tiền Đ sẽ được hưởng. Đến ngày 23/12/2020, ông L, anh Đ và Đ trả giấy phép lái xe mô tô cho 16 người dân, cụ thể:

- 07 (*bảy*) người dân gồm : anh Vì Văn M, anh Lò Văn T, anh Lường Văn C, anh Cà Văn K, chị Tòng Thị N, chị Mè Thị X, anh Hoàng Văn T đã trả giấy phép lái xe mô tô, hồ sơ giả cùng chứng minh thư nhân dân và thu của họ số tiền còn thiếu là 1.800.000 đồng/1 giấy phép lái xe mô tô (*riêng May và Khấn chỉ thu mỗi người 1.700.000 đồng, giấy phép lái xe mô tô của Thoan sai thông tin nên Đ thu giấy phép lái xe mô tô, chứng minh thư nhân dân của Thoan để làm lại*).

- 02 (*hai*) người là bà Lường Thị B, bà Cà Thị Y : Do chưa gặp nên chưa trả được giấy phép lái xe mô tô, chưa thu nốt số tiền còn lại.

- 02 (*hai*) người là ông Quàng Văn D, bà Quàng Thị L : Là họ hàng của ông L nên ông L nhận giấy phép lái xe mô tô từ Đ nhưng chưa trả nốt tiền, chưa đưa giấy phép lái xe mô tô.

- 03 (*ba*) người là ông Tòng Văn H, anh Tòng Văn T, anh Lò Văn H : Đ gửi thiếu ảnh chụp chứng minh thư nhân dân, ảnh chân dung cho người nhận làm giấy phép lái xe mô tô nên chưa làm được giấy phép lái xe mô tô để trả cho ba người.

- 02 (*hai*) người là ông Lò Văn D, anh Lường Văn N: Mới đăng ký làm giấy phép lái xe mô tô vào ngày 23/12/2020 nên chưa kịp làm xong giấy phép lái xe mô tô.

Tổng số tiền Đ đã thu của 16 người dân tại xã Chiềng Hoa, huyện Mường La là 20.400.000 đồng, trong đó số tiền Đ hưởng lợi và sử dụng để mua giấy phép lái xe mô tô là 18.500.000 đồng, số tiền ông L và anh Đ được hưởng là: 1.900.000 đồng.

*** Diễn biến vụ án xảy ra tại xã M, huyện Thuận Châu và xã M, xã Mư huyện Mường La, tỉnh Sơn La.**

Do tin tưởng Hà Mạnh Đ có thể làm được giấy phép lái xe mô tô thật cho người dân nên ngày 11/12/2020, ông L đã gọi điện thoại cho ông Lò Văn K nhà ở bản N, xã M, huyện Thuận Châu (Là người quen của ông L) để nhờ ông K tìm người cần làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1. Ông K đồng ý và bảo ông L đến nhà mình để làm giấy phép lái xe mô tô cho con dâu là Lò Thị Oh. Sau đó, ông L rủ anh Đ cùng đi đến nhà ông K, trên đường đi hai người rẽ vào nhà họ hàng ông L là anh Quàng Văn N ở bản G, xã M, huyện Mường La. Ông L giới thiệu với anh N

mình quen người làm được giấy phép lái xe mô tô thật nên anh N đồng ý cho ông L làm giấy phép lái xe mô tô với số tiền là 2.400.000 đồng, trong đó anh Nam đã đưa cho ông L số tiền đặt cọc là: 400.000 đồng và hứa khi nhận được giấy phép lái xe mô tô thì anh N sẽ trả nốt số tiền: 2.000.000 đồng. Ông L nhận giấy chứng minh thư nhân dân, ảnh chân dung cùng số tiền đặt cọc là 400.000 đồng của anh Nam rồi cùng anh Đ đến nhà ông K thì có 10 người đồng ý đăng ký làm giấy phép lái xe mô tô gồm: chị Lò Thị Oh, bà Lò Thị T, bà Lò Thị X, chị Lò Thị P, chị Quàng Thị M, chị Tòng Thị N, chị Cà Thị C, chị Lò Thị T (Bản N, xã M, huyện Thuận Châu), ông Lò Văn C (Bản H, xã M, huyện Thuận Châu), anh Lò Văn P (Bản M, xã B, huyện Thuận Châu).

Ông L, anh Đ, ông K thỏa thuận nhận của người dân mỗi người làm giấy phép lái xe mô tô là 2.400.000 đồng, trong đó đưa cho Đ 2.000.000 đồng, còn lại 400.000 đồng thì ba người chia nhau (ông K được 100.000 đồng, ông L và anh Đ mỗi người được 150.000 đồng). Anh Đ nhận tiền đặt cọc của 10 người dân, mỗi người 500.000 đồng, tổng cộng là 5.000.000 đồng cùng giấy chứng minh thư nhân dân, ảnh chân dung của người dân.

Đến ngày 12/12/2020, ông Đ gọi điện thoại cho Đ đến nhà mình để nhận chứng minh thư nhân dân, ảnh, tiền đặt cọc của người dân. Tại nhà ông Đ thì Đ lập giấy biên nhận tiền, tài liệu do ông Đ giao gồm: Chứng minh thư nhân dân và ảnh, 12.000.000 đồng tiền đặt cọc của 24 người dân. Trong số 24 người dân có: 13 người dân tại xã Chiềng Hoa, 01 người dân tại xã Mường Bú (Quàng Văn N) và 10 người dân tại xã M. Riêng Tr hợp anh Quàng Văn N chỉ đưa cho L 400.000 đồng tiền đặt cọc. Quàng Văn L đã tự đưa thêm tiền cá nhân 100.000 đồng cho đủ 500.000 đồng tiền đặt cọc cho Đ..

Tính đến ngày 12/12/2020, Đ đã nhận chứng minh thư nhân dân, ảnh và 12.500.000 đồng tiền đặt cọc của 25 người dân tại xã C, xã M, huyện Mường La và xã M, huyện Thuận Châu, gồm 24 Tr hợp do Đ bàn giao vào ngày 12/12/2020 và 01 Tr hợp bà Quàng Thị L được Đ đến tận nhà nhận vào ngày 10/12/2020.

Đ mang chứng minh thư nhân dân, ảnh, tiền của những người làm giấy phép lái xe mô tô nhận từ ông Đ sau đó đi về nhà, dùng điện thoại di động chụp ảnh, gửi qua Zalo cho D. Khoảng 03 ngày sau, D liên hệ với Đ qua zalo để giao giấy phép lái xe mô tô nhưng hai bên mâu thuẫn về giá cả mua bán nên D không làm giấy phép lái xe mô tô cho Đ nữa. Sau đó, một người tự xưng là Tr gọi điện cho Đ qua số điện thoại 0363.800.812, Tr giới thiệu làm được giấy phép lái xe mô tô như D và đề nghị được làm làm giấy phép lái xe cho Đ. Đ đồng ý và thỏa thuận thống nhất với Tr phương thức mua bán giấy phép lái xe mô tô không đổi, nhưng giá làm giấy phép lái xe mô tô chỉ còn 1.000.000 đồng/01 giấy phép lái xe mô tô. Sau đó, Đ gửi ảnh chụp chứng minh thư nhân dân, ảnh chân dung của 22 người dân gửi

qua Zalo cho Tr (Đ gửi thiếu ảnh chụp của 03 người dân tại xã Chiềng Hoa, huyện Mường La là anh Thiếu, anh Huệ và ông Hưởng).

Đến ngày 18/12/2020, Đ nhận 22 giấy phép lái xe mô tô cùng hồ sơ kèm theo do Tr gửi qua hai lần chuyển phát nhanh. Đ thanh toán 14.000.000 đồng cho Tr qua đơn vị chuyển phát, còn nợ Tr 8.000.000 đồng.

Ngày 23/12/2020, Đ điều khiển xe mô tô đến xã C, huyện Mường La và cùng ông L, anh Đ giao giấy phép lái xe mô tô giả cho người dân. Cùng ngày, có 2 người dân tại xã C, huyện Mường La là ông Lò Văn D, anh Lương Văn N đăng ký làm giấy phép lái xe mô tô nên cả 03 nhận chứng minh thư nhân dân, ảnh, tiền đặt cọc của ông D và anh N mỗi người 500.000 đồng, rồi 03 người cùng đến nhà của ông Lò Văn K để trả giấy phép lái xe mô tô cho người dân. Trên đường đi liên hệ được 04 người dân tại xã M, huyện Mường La có nhu cầu làm giấy phép lái xe mô tô gồm: anh Quảng Văn S, anh Quảng Văn P, bà Quảng Thị H, bà Quảng Thị T. Ba người nhận giấy chứng minh nhân dân, ảnh chân dung, tiền của 04 người dân mức 2.300.000 đồng/1 giấy phép lái xe mô tô, đặt cọc trước mỗi người 500.000 đồng. Sau đó, ông L đưa anh Đ, Đ đến nhà anh N ở bản G, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La để trả giấy phép lái xe mô tô, hồ sơ gốc, giấy chứng minh thư nhân dân cho anh N và thu nốt của anh N số tiền 2.000.000 đồng, rồi 03 người tiếp tục đi đến nhà ông Lò Văn K. Tại đây, Đ trả giấy phép lái xe mô tô, hồ sơ giả cùng chứng minh thư nhân dân cho 04 người dân là: anh Lò Văn C, chị Lò Thị T, chị Lò Thị P, chị Quảng Thị M. Ông K nhận 7.600.000 đồng của 04 người dân mỗi người 1.900.000 đồng. Còn lại 06 người gồm : chị O, chị T, chị N, anh C, bà X, anh P chưa đến lấy giấy phép lái xe mô tô và giấy phép lái xe mô tô sai thông tin nên chưa trả được cho người dân.

Đến sáng ngày 24/12/2020, có 10 người dân trú tại xã Mường Khiêng đến nhà K để đăng ký làm giấy phép lái xe mô tô, gồm: bà Cà Thị P, ông Cà Văn L, chị Cà Thị H, chị Lò Thị S, chị Quảng Thị H, chị Lò Thị P, chị Cà Thị Đ, chị Lò Thị C, bà Lương Thị T, bà Quảng Thị X.

Đến 06 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi 04 người đang nhận chứng minh thư nhân dân, ảnh cùng tiền đặt cọc của 10 người là 5.000.000 đồng thì bị Tổ công tác Công an huyện Thuận Châu đến nhà ông Lò Văn K kiểm tra hành chính. Quá trình làm việc, 04 người khai nhận hành vi nhận tiền, chứng minh thư nhân dân, ảnh chân dung của người dân để làm giấy phép lái xe mô tô.

Đ, ông L, anh Đ, ông K đã nhận số tiền 17.600.000 đồng của 20 người dân tại xã M và xã B trong đó số tiền Đ hưởng lợi và sử dụng để mua giấy phép lái xe mô tô là 16.000.000 đồng, số tiền ông L, ông K, anh Đ hưởng lợi là: 1.600.000 đồng.

Tổng cộng, xác định được Hà Mạnh Đ đã dùng thủ đoạn gian dối là làm được giấy phép lái xe thật không phải thi để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 47 người dân thu được số tiền là 54.400.000 đồng. Trong đó, có 50.500.000 đồng là tiền Đ hưởng lợi và sử dụng để mua giấy phép lái xe mô tô từ D, Tr; còn 3.900.000 đồng là tiền L, Đ, K tự thu của người dân trên mức 2.000.000đồng/1 giấy phép lái xe mô tô.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau:

- + Một giấy phép lái xe mô tô giả mang tên Hà Mạnh Đ, do Hà Mạnh Đ giao nộp.

- + 27 giấy phép lái xe mô tô giả do Đ nhận làm cho người dân, do Hà Mạnh Đ, ông Lò Văn K và người dân giao nộp(*Tr hợp Quàng Văn N đã làm mất giấy phép lái xe mô tô giả*).

- + 28 bộ hồ sơ gốc giả do Đ nhận làm cho người dân, do Hà Mạnh Đ, ông Lò Văn K và người dân giao nộp.

- + 01 bộ hồ sơ gốc giả của Hà Mạnh Đ, do chị Lò Thị T (*vợ bị cáo Đ*) giao nộp.

- + Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 32.070.000 đồng, gồm:

- 5.000.000 đồng tiền đặt cọc của 10 người dân xã M, huyện Thuận Châu đăng ký làm giấy phép lái xe mô tô vào ngày 24/12/2020, do Hà Mạnh Đ giao nộp.

- 7.600.000 đồng là tiền 04 người dân tại xã Mường Khiêng chi trả khi nhận giấy phép lái xe mô tô vào ngày 23/12/2020, do ông Lò Văn K giao nộp.

- 19.470.000 đồng là tiền do Hà Mạnh Đ giao nộp, gồm: 17.400.000 đồng là tiền thu của người dân các xã Chiềng Hoa, xã Mường Chùm và xã M, huyện Mường La khi Đ, ông L, anh Đ giao giấy phép lái xe mô tô giả vào ngày 23/12/2020; 2.070.000 đồng là tiền cá nhân của Đ.

- + Một xe mô tô biển kiểm soát 26B2-329.12, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu sơn đen trắng thu của Hà Mạnh Đ.

- + Một đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 26B2-329.12 mang tên Hà Mạnh Đ.

- + Một điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO thu giữ của Hà Mạnh Đ.

- + Một chiếc túi bằng vải màu đen, có hai quai xách, nhãn hiệu “*Thủ đô vàng*”.

- + 33 ảnh chân dung của người dân đăng ký làm giấy phép lái xe mô tô.

- + 28 chứng minh thư nhân dân của người dân đăng ký làm giấy phép lái xe.

- + Một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26L1-075.63, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, thu giữ của ông Quàng Văn L.

- + Một giấy phép lái xe mô tô mang tên ông Quảng Văn L.
- + Một đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 26L1-075.63 mang tên ông Quảng Văn L.
- + Một điện thoại di động đã qua sử dụng, thu giữ của ông Quảng Văn L.
- + Một chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng thu giữ của anh Vì Văn Đ.
- + Một chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng thu giữ của ông Lò Văn K.

Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu đã có Công văn đề nghị Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La tra cứu toàn bộ 28 Tr hợp Hà Mạnh Đ đã làm xong giấy phép lái xe mô tô cho người dân (riêng Tr hợp anh Quảng Văn N đã bị mất giấy phép lái xe mô tô, chỉ còn lại hồ sơ gốc). Tại các Công văn số 72 ngày 08/01/2021; số 714 ngày 10/3/2021; số 977 ngày 06/4/2021 và số 1175 ngày 26/4/2021 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La trả lời: Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La không được cấp giấy phép lái xe mô tô cho 28 Tr hợp trên.

Ngày 26/12/2020 Công an huyện Thuận Châu Quyết định trưng cầu giám định số: 18/QĐ ngày 26/12/2020 gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La trưng cầu giám định tài liệu đối với 11 giấy phép lái xe ký hiệu từ A1 đến A11, chữ ký trên mẫu giám định ký hiệu A12 đến A15 và hình dấu trên mẫu giám định ký hiệu A12 đến A15 thu giữ của Hà Mạnh Đ trong quá trình điều tra.

Tại Kết luận giám định số: 360 ngày 18/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: 11 giấy phép lái xe ký hiệu A1 đến A11 gửi giám định là giấy phép lái xe giả - Chữ ký trên các mẫu giám định ký hiệu từ A12 đến A15 không phải là chữ ký trực tiếp, chữ ký được tạo ra bằng phương pháp in laser màu - Hình dấu trên các mẫu giám định ký hiệu từ A12 đến A15 không phải đóng trực tiếp, hình dấu được tạo ra bằng phương pháp in laser màu. Hoàn lại đối tượng giám định: Toàn bộ đối tượng gửi giám định.

Ngày 13/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã ra Lệnh thu giữ điện tín số 01/LTG gửi Tập đoàn Công nghiệp viễn thông quân đội - Chi nhánh Viettel Sơn La thu giữ nhật ký cuộc gọi đi, đến; tin nhắn đi, đến và thông tin chủ thuê bao của các số thuê bao 0971600836 (*Số điện thoại của Đ*), 0961967345 (*Số điện thoại của D*), 0363800812 (*Số điện thoại của Tr*), nhưng hiện nay vẫn chưa nhận được Công văn trả lời của Chi nhánh Viettel Sơn La.

****Về trách nhiệm bồi thường dân sự:***

Sau khi trực tiếp nhận tiền từ 20 các bị hại tại xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu gồm: chị Lò Thị Oh, bà Lò Thị T, bà Lò Thị X, chị Lò Thị P, chị Quảng Thị M, chị Tòng Thị N, chị Cà Thị C, chị Lò Thị T (bản N, xã M, huyện Thuận Châu), ông Lò Văn C (bản Huổi P, xã M, huyện Thuận Châu), anh Lò Văn P (bản M, xã B, huyện Thuận Châu), bà Cà Thị P, ông Cà Văn L, chị Cà Thị

H, chị Lò Thị S, chị Quàng Thị H, chị Lèo Thị P, chị Cà Thị Đ, chị Lò Thị C, bà Lường Thị T, bà Quàng Thị X thì 20 người bị hại yêu cầu bị cáo Hà Mạnh Đ, Quàng Văn L, Vì Văn Đ và Lò Văn K phải bồi thường số tiền đã nhận của 20 bị hại với tổng số tiền là: 17.600.000 đồng. Đến ngày 15/4/2021 ông Quàng Văn L, anh Vì Văn Đ và ông Lò Văn K đã bồi thường số tiền 17.600.000 đồng cho 20 bị hại tại xã Mường Khiêng và xã Bó Mười, 20 bị hại trên đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Do ông Quàng Văn L, anh Vì Văn Đ và ông Lò Văn K đã bồi thường trước cho 20 bị hại tại xã Mường Khiêng và xã Bó Mười, huyện Thuận Châu với tổng số tiền đã bồi thường cho 20 bị hại là: 17.600.000 đồng (trong đó số tiền bị cáo Hà Mạnh Đ hưởng lợi là 16.000.000 đồng, số tiền ông Quàng Văn L, anh Vì Văn Đ và ông Lò Văn K hưởng lợi là 1.600.000 đồng). Hiện Hà Mạnh Đ chưa bồi thường được gì nên ông Quàng Văn L, anh Vì Văn Đ và Lò Văn K yêu cầu Hà Mạnh Đ phải hoàn trả lại số tiền 16.000.000 đồng.

27 bị hại đã đăng ký và đã nộp tiền cho Hà Mạnh Đ làm giấy phép lái xe mô tô tại các xã C, xã M và xã M, huyện Mường La; xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La yêu cầu bị cáo Hà Mạnh Đ, ông Quàng Văn L, anh Vì Văn Đ trả lại số tiền 34.500.000 đồng mà Hà Mạnh Đ đã thu để làm giấy phép lái xe mô tô. Hiện Hà Mạnh Đ đã tác động gia đình bồi thường cho ba người dân tại bản Á, xã P, huyện Bắc Yên số tiền là 3.000.000 đồng gồm : Chị Lò Thị X, anh Lường Văn Đ và anh Lường Văn L mỗi người đã nhận được số tiền : 1.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo chưa bồi thường được gì.

Bản cáo trạng số: 81/CT-VKSTC, ngày 17/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Hà Mạnh Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hà Mạnh Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự :

Xử phạt bị cáo Hà Mạnh Đ mức án tù 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 24/12/2020)

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về bồi thường dân sự : Áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự ; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự tuyên :

- Chấp nhận việc ông Quảng Văn L, anh Vi Văn Đ và ông Lò Văn K đã tự nguyện trả lại số tiền đã nhận của 20 bị hại tại xã Mường Khiêng và Bó Mười, huyện Thuận Châu với tổng số tiền đã bồi thường cho 20 bị hại là: 17.600.000 đồng cụ thể như sau :

+ Chị Lò Thị Oh, bà Lò Thị T, bà Lò Thị X, chị Tòng Thị N, chị Cà Thị C, bà Cà Thị P, ông Cà Văn L, chị Cà Thị H, chị Lò Thị S, chị Quảng Thị H, chị Lèo Thị P, chị Cà Thị Đ, chị Lò Thị C, bà Lường Thị T, bà Quảng Thị X, anh Lò Văn P đã được trả lại mỗi người là 500.000 đồng.

+ Chị Lò Thị P, chị Quảng Thị M, chị Lò Thị T, ông Lò Văn C đã được trả lại mỗi người là 2.400.000 đồng.

- Buộc bị cáo Hà Mạnh Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Quảng Văn L, anh Vi Văn Đ, ông Lò Văn K số tiền là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) như sau : Bồi thường cho ông Quảng Văn L số tiền 5.300.000 đồng; Bồi thường cho anh Vi Văn Đ số tiền 5.300.000 đồng; Bồi thường cho ông Lò Văn K số tiền 5.400.000 đồng.

- Buộc bị cáo Hà Mạnh Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại như sau :

+ Bồi thường cho anh Vi Văn M, anh Cà Văn K, anh Lò Văn T, anh Lường Văn C, chị Tòng Thị N, chị Mè Thị X, anh Hoàng Văn T, anh Quảng Văn N, ông Lò Văn K, ông Hoàng Văn LL, ông Lò Văn S mỗi người là 2.000.000 đồng.

+ Bồi thường cho ông Lò Văn D, anh Lường Văn N, ông Quảng Văn D, ông Tòng Văn H, anh Tòng Văn T, bà Lường Thị B, bà Cà Thị Y, anh Lò Văn H, bà Quảng Thị L, anh Quảng Văn S, anh Quảng Văn P, bà Quảng Thị H, bà Quảng Thị T mỗi người là 500.000 đồng.

+ Chấp nhận việc bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại chị Lò Thị X, anh Lường Văn Đ, anh Lường Văn L mỗi người là 1.000.000 đồng. Bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho mỗi người là số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên :

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước : Một điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh - đen, loại máy VIVO 1906, số IMEI 1: 86132504964733, số

IMEI 2: 86132504964725, đã qua sử dụng cũ và 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu.

- Tịch thu tiêu hủy :

+ Một phong bì niêm phong mặt trước ghi: Vật chứng nhập kho (03 vỏ phong bì) vụ Hà Mạnh Đ; Một chiếc túi (loại túi đựng máy tính xách tay) bằng vải màu đen, có hai quai xách, nhãn hiệu “Thủ đô vàng” túi có nhiều ngăn; Một túi hồ sơ niêm phong, mặt ngoài hồ sơ có viết chữ: 13 GPLX và sơ gốc của 13 người dân (10 người Mường Khiêng, 3 người Chiềng Hoa); 01 GPLX của Hà Mạnh Đ. Bên trong có 14 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 và 13 bộ hồ sơ thi sát hạch giấy phép lái xe; Một túi hồ sơ niêm phong, mặt ngoài hồ sơ có viết chữ: 14 GPLX của người dân thuộc xã P và xã C; hồ sơ gốc: 15 bộ: Gồm của Đ và 14 người dân. Bên trong có 14 giấy phép lái xe và 15 bộ hồ sơ thi sát hạch giấy phép lái xe; 15 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô (có ảnh chân dung); 15 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe; 15 giấy khám sức khỏe của người lái xe; 15 biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình (14 người dân trên và hồ sơ gốc của Hà Mạnh Đ); Một phong bì bên trong có: 01 bộ hồ sơ thi sát hạch giấy phép lái xe; 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô (có ảnh chân dung và tên Quảng Văn N); 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe; 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe; 01 biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình.

- Trả lại cho chị Lò Thị T : Một xe mô tô biển kiểm soát: 26B1 - 329.12, màu sơn trắng - đen, số loại BLADE, xe đã qua sử dụng cũ; Một bản phô tô, chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 050663, BKS: 26B1 - 329.12, mang tên Hà Mạnh Đ, do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 04/8/2018.

- Trả lại cho ông Lò Văn K số tiền 7.600.000 đồng và 1.600.000 đồng là số tiền được trả lại trong số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tổng cộng ông Lò Văn K được trả lại số tiền 9.200.000 đồng.

- Trả lại cho ông Quảng Văn L số tiền 1.700.000 đồng là số tiền được trả lại trong số tiền 5.000.000 đồng, khấu trừ để buộc trả lại cho các bị hại như sau : Trả cho anh Vì Văn M, anh Lò Văn T, anh Lương Văn C, anh Cà Văn K, chị Tòng Thị N, chị Mè Thị X, anh Hoàng Văn T mỗi người là : 150.000 đồng; Trả lại cho anh Quảng Văn N 200.000 đồng.

Ông Quảng Văn L còn được trả lại số tiền 450.000 đồng.

- Trả lại cho anh Vì Văn Đ số tiền 1.700.000 đồng là số tiền được trả lại trong số tiền 5.000.000 đồng, khấu trừ để buộc trả lại cho các bị hại như sau : Trả cho anh Vì Văn M, anh Cà Văn K mỗi người 50.000 đồng; Trả cho anh Vì Văn M, anh Lò Văn T, anh Lương Văn C, chị Tòng Thị N, chị Mè Thị X, anh Hoàng Văn T mỗi người là : 150.000 đồng; Trả lại cho anh Quảng Văn N 200.000 đồng.

Anh Vì Văn Đ còn được trả lại số tiền 650.000 đồng.

- Chấp nhận việc cơ quan điều tra - Công an huyện Thuận Châu đã trả lại :
- + 28 chứng minh thư nhân dân của người dân đăng ký làm giấy phép lái xe.
- + Một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26L1-075.63, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, thu giữ của ông Quàng Văn L.
- + Một giấy phép lái xe mô tô mang tên ông Quàng Văn L.
- + Một đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 26L1-075.63 mang tên ông Quàng Văn L.
- + Một điện thoại di động đã qua sử dụng, thu giữ của ông Quàng Văn L.
- + Một chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng thu giữ của anh Vì Văn Đ.
- + Một chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng thu giữ của ông Lò Văn K.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Mạnh Đ. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Quàng Văn L và anh Vì Văn Đ.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự : Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với lời luận tội của Đ điện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt hình phạt thấp nhất, xin miễn hình phạt bổ sung.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị T : Nhất trí với lời luận tội của Đ điện Viện kiểm sát đề nghị được trả lại một xe mô tô biển kiểm soát: 26B1 - 329.12 vì đây là tài sản chung của vợ chồng, chị xin trả lại để làm phương tiện đón con đi học.

Ý kiến của người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn K : Nhất trí với lời luận tội của Đ điện Viện kiểm sát đề nghị được trả lại số tiền 9.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Hà Mạnh Đ là vi phạm pháp luật bởi: Từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 lợi dụng sự nhận thức của những người dân

sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp, nhiều người dân không biết chữ, hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là có thể làm được giấy phép lái xe mô tô thật với mức giá từ 2.000.000 đồng đến 2.400.000 đồng/giấy phép lái xe mô tô, có hồ sơ gốc kèm theo, khi quét mã vạch trên giấy phép lái xe mô tô sẽ hiển thị thông tin cá nhân, người dân không cần thi sát hạch mà chỉ cần cung cấp giấy chứng minh thư nhân dân, ảnh chân dung cỡ 3x4, bị cáo nhận thức được hành vi mua giấy phép lái xe mô tô hạng A1 giả để bán và thu tiền của những người dân nhằm trục lợi là trái pháp luật mà bị cáo cố ý thực hiện chiếm đoạt với tổng số tiền là 50.500.000 đồng của 47 bị hại tại xã P, huyện Bắc Yên; xã C, xã M, xã Mu huyện Mường La; xã Mường K, xã B huyện Thuận Châu.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai các bị hại đã thực hiện giao dịch làm giấy phép lái xe với bị cáo và thông qua các đối tượng: ông Quảng Văn L, anh Vì Văn Đ và ông Lò Văn K, số tiền chiếm đoạt, vật chứng thu giữ, kết quả giám định về giấy phép lái xe giả, hồ sơ cấp giấy phép lái xe mô tô giả, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu đã truy tố. Trên cơ sở đó Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bởi tội phạm bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là có thể làm được giấy phép lái xe mô tô thật để chiếm đoạt tài sản, làm cho các bị hại tin tưởng và tự nguyện giao tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Cần vận dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo Hà Mạnh Đ.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thuộc Tr hợp nghiêm trọng. Bị cáo biết rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy cần lên một mức án mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hà Mạnh Đ thực hiện hành vi phạm tội từ hai lần trở lên, mỗi lần phạm tội đủ yếu tố cấu thành tội phạm

là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi bị phát hiện đã tự nguyện giao nộp lại tài sản đã chiếm đoạt, tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Hà Mạnh Đ đã có 02 tiền án (đã được xóa án tích) thuộc Tr hợp có nhân thân xấu.

[4] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Bị cáo không có tài sản riêng , sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại , những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa 47 bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Quảng Văn L, anh Vi Văn Đ đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự và giải quyết số tiền thu giữ là 32.070.000 đồng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/7/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thuận Châu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu :

Tổng cộng số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 47 bị hại là 50.500.000 đồng. Đến ngày 05/4/2021 ông Quảng Văn L, anh Vi Văn Đ và ông Lò Văn K đã tự nguyện trả lại số tiền đã nhận của 20 bị hại tại xã M và B, huyện Thuận Châu với tổng số tiền đã bồi thường cho 20 bị hại là: 17.600.000 đồng (trong đó bị cáo Hà Mạnh Đ hưởng lợi là 16.000.000 đồng, số tiền Quảng Văn L,

anh Vì Văn Đ và ông Lò Văn K hưởng lợi là 1.600.000 đồng) cụ thể như sau : chị Lò Thị Oh đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, bà Lò Thị T đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, bà Lò Thị X đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, chị Lò Thị P đã nhận lại số tiền : 2.400.000 đồng, chị Quàng Thị M đã nhận lại số tiền : 2.400.000 đồng, chị Tòng Thị N đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, chị Cà Thị C đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, chị Lò Thị T đã nhận lại số tiền : 2.400.000 đồng, ông Lò Văn C đã nhận lại số tiền : 2.400.000 đồng, bà Cà Thị P đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, ông Cà Văn L đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, chị Cà Thị H đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, chị Lò Thị S đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, chị Quàng Thị H đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, chị Lò Thị P đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, chị Cà Thị Đ đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, chị Lò Thị C đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, bà Lường Thị T đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, bà Quàng Thị X đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng, anh Lò Văn P đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng.

20 bị hại đã nhận đủ số tiền đã nêu ở trên và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Ông Quàng Văn L đã bồi thường trước cho các bị hại số tiền 5.300.000 đồng; anh Vì Văn Đ đã bồi thường trước cho các bị hại số tiền 5.300.000 đồng; ông Lò Văn K đã bồi thường trước cho các bị hại số tiền 5.400.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật cần được chấp nhận. Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Quàng Văn L, anh Vì Văn Đ và ông Lò Văn K đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 21 bị hại tại các xã C, xã M và xã Mư, huyện Mường La; xã P, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, cho đến nay bị cáo chưa bồi thường. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cụ thể như sau : anh Vì Văn M là 2.000.000 đồng; anh Lò Văn T là 2.000.000 đồng; anh Lường Văn C là 2.000.000 đồng; anh Cà Văn K là 2.000.000 đồng; chị Tòng Thị N là 2.000.000 đồng; chị Mè Thị X là 2.000.000 đồng; anh Hoàng Văn T là 2.000.000 đồng; anh Quàng Văn N là 2.000.000 đồng; ông Lò Văn D là 500.000 đồng; anh Lường Văn N là 500.000 đồng, ông Quàng Văn D là 500.000 đồng; ông Tòng Văn H là 500.000 đồng; anh Tòng Văn T là 500.000 đồng; bà Lường Thị B là 500.000 đồng, bà Cà Thị Y là 500.000 đồng, anh Lò Văn H là 500.000 đồng; bà Quàng Thị L là 500.000 đồng; anh Quàng Văn S là 500.000 đồng; anh Quàng Văn P là 500.000 đồng; bà Quàng Thị H là 500.000 đồng; bà Quàng Thị T là 500.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại, do đó cần buộc cần bị cáo Hà Mạnh Đ phải bồi thường đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại, phù hợp với quy định của pháp luật.

Số tiền bồi thường thiệt hại cho 21 bị hại nêu trên sẽ được trừ vào số tiền thu giữ của bị cáo là 19.470.000 đồng để đảm bảo thi hành án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 06 bị hại ở xã P, huyện Bắc Yên số tiền là 12.000.000 đồng, sau khi bị bắt tạm giam cho đến nay bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho 03 bị hại gồm : Chị Lò Thị X, anh Lương Văn Đ, anh Lương Văn L mỗi người đã nhận là 1.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền còn thiếu của mỗi người là 1.000.000 đồng . Ông Lò Văn K, anh Hoàng Văn LL và ông Lò Văn S chưa được bồi thường, yêu cầu bị cáo bồi thường cho mỗi người là 2.000.000 đồng. Do đó cần buộc cần bị cáo Hà Mạnh Đ phải bồi thường đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo giao nộp ngày 24/12/2020. Đây là số tiền do bị cáo chiếm đoạt của 10 bị hại tại xã Mường Khiêng, huyện Thuận Châu ông Quảng Văn L, anh Vi Văn Đ, ông Lò Văn K đã bồi thường trước, do đó cần tuyên trả lại cho ông Quảng Văn L, anh Vi Văn Đ, ông Lò Văn K như sau :

- Ông Lò Văn K được trả lại 1.600.000 đồng.

- Ông Quảng Văn L được trả lại 1.700.000 đồng, khấu trừ để bồi thường cho anh Vi Văn M 150.000 đồng; anh Lò Văn T là 150.000 đồng; anh Lương Văn C 150.000 đồng; anh Cà Văn K là 150.000 đồng; chị Tòng Thị N là 150.000 đồng; chị Mè Thị X là 150.000 đồng; anh Hoàng Văn T là 150.000 đồng; anh Quảng Văn N là 200.000 đồng. Ông Quảng Văn L còn được trả lại số tiền 450.000 đồng.

- Anh Vi Văn Đ được trả lại 1.700.000 đồng, khấu trừ để bồi thường cho anh Vi Văn M 50.000 đồng; anh Lò Văn T là 150.000 đồng; anh Lương Văn C 150.000 đồng; anh Cà Văn K là 50.000 đồng; chị Tòng Thị N là 150.000 đồng; chị Mè Thị X là 150.000 đồng; anh Hoàng Văn T là 150.000 đồng; anh Quảng Văn N là 200.000 đồng. Anh Vi Văn Đ còn được trả lại số tiền 650.000 đồng.

Đối với số tiền 7.600.000 đồng do ông Lò Văn K giao nộp ngày 24/12/2020 xét thấy là tiền thu của 04 người tại Mường Khiêng, xét thấy ông Lò Văn K cùng ông Quảng Văn L, anh Vi Văn Đ đã bồi thường đủ cho 20 người tại xã M, xã B, huyện Thuận Châu. Đây là tiền cá nhân ông Lò Văn K, cho đến nay không liên quan đến hành vi phạm tội cần tuyên trả lại cho ông Lò Văn K là có căn cứ hợp pháp với quy định của pháp luật.

(Căn cứ vào khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự).

[7] Đối với người đàn ông tên D là người Hà Mạnh Đ khai đã liên lạc với Đ qua mạng xã hội Facebook làm giấy phép lái xe mô tô giả cho Đ đem bán cho các cá nhân thu lợi bất chính, nhưng Đ không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể của đàn ông tên D ở đâu, ngoài số điện thoại và lời khai của Đ ra không có căn cứ nào khác nên việc Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

[8] Đối với người đàn ông tên Tr là người Hà Mạnh Đ khai đã liên lạc với Đ qua mạng xã hội Facebook làm giấy phép lái xe mô tô giả cho Đ đem bán cho các

cá nhân thu lợi bất chính. Quá trình điều tra xác định được là Phạm Đình Đ, sinh ngày 29/7/1991, trú tại Thôn Đ, xã L, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, nhưng hiện nay Phạm Đình Đ đã tách hộ khẩu ra ở riêng, hiện tại Đ không có mặt tại địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không biết Đ đi đâu, làm gì, cùng với ai. Vì vậy Cơ quan điều tra tách ra giải quyết trong vụ án khác khi có căn cứ là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[9] Đối với hành vi của với ông Quàng Văn L, anh Vì Văn Đ và ông Lò Văn K là những người giúp Hà Mạnh Đ liên hệ với một số người dân để làm giấy phép lái xe mô tô giả. Quá trình điều tra xác định được: Quàng Văn L, Vì Văn Đ và Lò Văn K không biết nguồn gốc, cách thức để Đ có giấy phép lái xe mô tô, không biết giấy phép lái xe do Đ mua qua mạng xã hội Zalo, Facebook mà có, không được hưởng lợi từ phần tiền Đ chiếm đoạt của người dân. Cơ quan điều tra không đề cập vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Quàng Văn L, Vì Văn Đ và Lò Văn K với vai trò đồng phạm của Đ là có căn cứ.

[10] Về vật chứng:

Đối với 28 chứng minh thư nhân dân của người dân đăng ký làm giấy phép lái xe mô tô thu giữ trong quá trình điều tra. Đến ngày 26/02/2021 Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô, đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 26L1-075.63, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE + Một giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Quàng Văn L và một chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng thu giữ của ông Quàng Văn L. Quá trình điều tra xác định được đây là tài sản hợp pháp của ông Quàng Văn L và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Hà Mạnh Đ nên Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại số tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Quàng Văn L là có căn cứ.

Đối với 02 điện thoại di động, đã qua sử dụng thu giữ của anh Vì Văn Đ, ông Lò Văn K. Quá trình điều tra xác định được đây là tài sản hợp pháp của anh Vì Văn Đ, ông Lò Văn K và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Hà Mạnh Đ nên Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại số tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp là Vì Văn Đ là có căn cứ.

Đối với vật chứng của vụ án gồm: Một giấy phép lái xe mô tô giả mang tên Hà Mạnh Đ; Hai mươi bảy giấy phép lái xe mô tô giả do Đ nhận làm cho người dân; Hai mươi tám bộ hồ sơ gốc giả do Đ nhận làm cho người dân; Một bộ hồ sơ gốc giả của Hà Mạnh Đ; Một chiếc túi đựng máy tính xách tay bằng vải màu đen, có hai quai xách, nhãn hiệu “*Thủ đô vàng*”; Ba mươi ba ảnh chân dung của người dân đăng ký làm giấy phép lái xe mô tô. Quá trình điều tra xác định được đây là công cụ, phương tiện Hà Mạnh Đ sử dụng thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với một điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO thu giữ của Hà Mạnh Đ. Quá trình điều tra xác định được đây là công cụ, phương tiện Hà Mạnh Đ sử dụng thực hiện hành vi phạm tội cần tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước..

Đối với một xe mô tô BKS 26B2-329.12, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu sơn đen trắng và một đăng ký xe mô tô BKS 26B2-329.12 mang tên Hà Mạnh Đ. Quá trình điều tra xác định được chiếc xe là tài sản chung của gia đình bị cáo Hà Mạnh Đ. Tại phiên tòa chị Lò Thị T (vợ bị cáo Đ) có đơn xin lại xe, việc bị cáo Hà Mạnh Đ sử dụng chiếc xe máy làm phương tiện phạm tội chị không biết, chị có đơn xin lại xe để làm phương tiện đi lại vì vậy cần tuyên trả lại chiếc xe máy cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lò Thị T.

(Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự).

[11] Về án phí: Bị cáo Hà Mạnh Đ, ông Quảng Văn L, anh Vi Văn Đ đều là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Mạnh Đ. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Quảng Văn L, anh Vi Văn Đ.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Hà Mạnh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; 47 bị hại được quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định tại các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Hà Mạnh Đ (Tên gọi khác: Hà Văn Túc) phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự :

Xử phạt bị cáo Hà Mạnh Đ 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/12/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo trong hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về bồi thường dân sự : Căn cứ vào khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự ; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự tuyên :

- Chấp nhận việc ông Quảng Văn L, anh Vi Văn Đ và ông Lò Văn K đã tự nguyện trả lại số tiền đã nhận của 20 bị hại tại xã Mường Khiêng và Bó Mười, huyện Thuận Châu với tổng số tiền đã bồi thường cho 20 bị hại là: 17.600.000 đồng cụ thể như sau :

+ Chị Lò Thị Oh đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Bà Lò Thị T đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Bà Lò Thị X đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Lò Thị P đã được trả lại số tiền : 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng)

+ Chị Quảng Thị M đã được trả lại số tiền : 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng)

+ Chị Tòng Thị N đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Cà Thị C đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Lò Thị T đã được trả lại số tiền : 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng)

+ Ông Lò Văn C đã được trả lại số tiền : 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng)

+ Bà Cà Thị P đã nhận lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Ông Cà Văn L đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Cà Thị H đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Lò Thị S đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Quàng Thị H đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Lèo Thị P đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng(Năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Cà Thị Đ đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Lò Thị C đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Bà Lường Thị T đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

+ Bà Quàng Thị X đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng(Năm trăm nghìn đồng).

+ Anh Lò Văn P đã được trả lại số tiền : 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Hà Mạnh Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Quàng Văn L, anh Vì Văn Đ, ông Lò Văn K số tiền là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) như sau :

+ Bồi thường cho ông Quàng Văn L số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng).

+ Bồi thường cho anh Vì Văn Đ số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng).

+ Bồi thường cho ông Lò Văn K số tiền 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Hà Mạnh Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại như sau :

+ Bồi thường cho anh Vì Văn M số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

+ Bồi thường cho anh Cà Văn K số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

+ Bồi thường cho anh Lò Văn T số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

+ Bồi thường cho anh Lường Văn C số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

+ Bồi thường cho chị Tòng Thị N số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

+ Bồi thường cho chị Mè Thị X số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

+ Bồi thường cho anh Hoàng Văn T số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

+ Bồi thường cho anh Quàng Văn N số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- + Bồi thường cho ông Lò Văn D số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho anh Lương Văn N số tiền 500.000 đồng(năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho ông Quàng Văn D số tiền 500.000 đồng(năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho ông Tòng Văn H số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho anh Tòng Văn T số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho bà Lương Thị B số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho bà Cà Thị Y số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho anh Lò Văn H số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho bà Quàng Thị L số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho anh Quàng Văn S số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho anh Quàng Văn P số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho bà Quàng Thị H số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).
- + Bồi thường cho bà Quàng Thị T số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

(Số tiền 19.470.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/7/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thuận Châu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu là để đảm bảo thi hành án, bồi thường thiệt hại cho 21 bị hại nêu trên).

- + Bồi thường cho ông Lò Văn K số tiền 2.000.000 đồng(hai triệu đồng).
- + Bồi thường cho ông Hoàng Văn LL số tiền 2.000.000 đồng(hai triệu đồng).
- + Bồi thường cho ông Lò Văn S số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

+ Chấp nhận việc bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại chị Lò Thị X số tiền 1.000.000 đồng(một triệu đồng). Bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị Lò Thị X số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

+ Chấp nhận việc bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại anh Lường Văn Đ số tiền 1.000.000 đồng(một triệu đồng). Bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Lường Văn Đ số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

+ Chấp nhận việc bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại anh Lường Văn L số tiền 1.000.000 đồng(một triệu đồng). Bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Lường Văn L số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước : Một phong bì Công an huyện Thuận Châu phát hành, niêm phong mặt trước ghi: Điện thoại di động tạm giữ của Hà Mạnh Đ ngày 24/12/2020 và vỏ phong bì niêm phong ban đầu. Bên trong có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh - đen, loại máy VIVO 1906, số IMEI 1: 86132504964733, số IMEI 2: 86132504964725, đã qua sử dụng cũ và 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu.

- Tịch thu tiêu hủy :

+ Một phong bì niêm phong mặt trước ghi: Vật chứng nhập kho (03 vỏ phong bì) vụ Hà Mạnh Đ - sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức, ngày 23/12/2020. Mặt sau phong bì, dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số: 026047, trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu.

+ Một chiếc túi (loại túi đựng máy tính xách tay) bằng vải màu đen, có hai quai xách, nhãn hiệu “Thủ đô vàng” túi có nhiều ngăn.

+ Một túi hồ sơ niêm phong, mặt ngoài hồ sơ có viết chữ: 13 GPLX và sơ gốc của 13 người dân (10 người M, 3 người C); 01 GPLX của Hà Mạnh Đ, tại mép dán túi được dán kín mép bằng giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số 026060, trên mặt giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận

Châu, tỉnh Sơn La. Bên trong có 14 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 và 13 bộ hồ sơ thi sát hạch giấy phép lái xe.

+ Một túi hồ sơ niêm phong, mặt ngoài hồ sơ có viết chữ: 14 GPLX của người dân thuộc xã P và xã C; hồ sơ gốc: 15 bộ: Gồm của Đ và 14 người dân, tại mép dán túi được dán kín mép bằng giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số 026059, trên mặt giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. bên trong có 14 giấy phép lái xe và 15 bộ hồ sơ thi sát hạch giấy phép lái xe; 15 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô (có ảnh chân dung); 15 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe; 15 giấy khám sức khỏe của người lái xe; 15 biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình (14 người dân trên và hồ sơ gốc của Hà Mạnh Đ);

+ Một phong bì do Công an huyện Thuận Châu phát hành, niêm phong mặt trước ghi: 01 bộ hồ sơ gốc do Quàng Văn N giao nộp. Mặt sau phong bì, dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số: 026058, trên giấy niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu. Bên trong có: 01 bộ hồ sơ thi sát hạch giấy phép lái xe; 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô (có ảnh chân dung và tên Quàng Văn N); 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe; 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe; 01 biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình.

- Trả lại cho chị Lò Thị T : Một xe mô tô biển kiểm soát: 26B1 - 329.12, màu sơn trắng - đen, số loại BLADE, xe đã qua sử dụng cũ; Một bản phô tô, chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 050663, BKS: 26B1 - 329.12, mang tên Hà Mạnh Đ, do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 04/8/2018.

- Trả lại cho ông Lò Văn K số tiền 7.600.000 đồng (bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) và 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) là số tiền được trả lại trong số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tổng cộng ông Lò Văn K được trả lại số tiền 9.200.000 đồng (chín triệu hai trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho ông Quàng Văn L số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) là số tiền được trả lại trong số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), khấu trừ để buộc trả lại cho các bị hại như sau :

+ Trả lại cho anh Vì Văn M số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho anh Lò Văn T số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho anh Lường Văn C số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho anh Cà Văn K số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho chị Tòng Thị N số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho chị Mè Thị X số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho anh Hoàng Văn T số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho anh Quàng Văn N số tiền là : 200.000 đồng hai trăm nghìn đồng).

Ông Quàng Văn L còn được trả lại số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Vì Văn Đ số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) là số tiền được trả lại trong số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), khấu trừ để buộc trả lại cho các bị hại như sau :

+ Trả lại cho anh Vì Văn M số tiền là : 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho anh Lò Văn T số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho anh Lường Văn C số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho anh Cà Văn K số tiền là : 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho chị Tòng Thị N số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho chị Mè Thị X số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho anh Hoàng Văn T số tiền là : 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho anh Quàng Văn N số tiền là : 200.000 đồng hai trăm nghìn đồng).

Anh Vì Văn Đ còn được trả lại số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/7/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thuận Châu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu).

- Chấp nhận việc cơ quan điều tra - Công an huyện Thuận Châu đã trả lại :
 - + 28 chứng minh thư nhân dân của người dân đăng ký làm giấy phép lái xe.
 - + Một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26L1-075.63, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, thu giữ của ông Quàng Văn L.
 - + Một giấy phép lái xe mô tô mang tên ông Quàng Văn L.
 - + Một đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 26L1-075.63 mang tên ông Quàng Văn L.
 - + Một điện thoại di động đã qua sử dụng, thu giữ của ông Quàng Văn L.
 - + Một chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng thu giữ của anh Vì Văn Đ.
 - + Một chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng thu giữ của ông Lò Văn K.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Mạnh Đ. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Quàng Văn L và anh Vì Văn Đ.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự :

Bị cáo Hà Mạnh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn K, chị Lò Thị T được kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi , nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; 47 bị hại được quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi , nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- CA huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Bị cáo;
- Bị hại ;
- Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan;
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiên Hải